

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH MINH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2025/HS-ST
Ngày: 30 – 5 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH MINH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc T

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Phi H

2. Ông Sơn M

- Thư ký phiên tòa: Ông Ứng Văn T – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Minh, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 24/3/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXXST-HS, ngày 24/4/2025 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo **Trần Thanh T**, sinh năm 1991, tại P, tỉnh Hậu Giang; Trú tại: ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Đoàn Thị T1; anh chị em ruột có 05 người; có vợ tên Nguyễn Thị Thùy T2; có 01 người con sinh năm 2023;

Tiền án: 03 lần:

- Vào ngày 10/7/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xử phạt 04 năm tù về tội cướp giật tài sản và 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án số 229/2014/HSST).

- Vào ngày 12/8/2014, bị Tòa án nhân dân thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang xử phạt 04 năm tù về tội cướp giật tài sản và 01 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài

sản. Tổng hợp hình phạt chung là 05 năm 06 tháng tù (Bản án số 37/2014/HSST ngày 12/8/2014).

Bị cáo T đã chấp hành xong án phạt tù của 02 bản án trên vào ngày 01/4/2021 (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 204 ngày 01/4/2021 của Trại giam Đ).

- Vào ngày 23/12/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang xử phạt 15 tháng tù về tội trộm cắp tài sản với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo T đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 29/10/2023 (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 714 ngày 29/10/2023 của Trại giam Đ1).

Tiền sự: không.

- Nhân thân của bị cáo:

+ Ngày 31/01/2008, bị UBND huyện P, tỉnh Hậu Giang đưa vào trường G, B, Long An thời hạn 18 tháng về hành vi gây rối trật tự công cộng. Chấp hành xong ngày 01/8/2009.

+ Vào ngày 15/7/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang khởi tố về tội trộm cắp tài sản để điều tra.

Bị cáo T đang bị tạm giam tại Phân trại N - Trại tạm giam tỉnh Hậu Giang để điều tra, xử lý trong vụ án khác. Có mặt.

2. Bị cáo **Huỳnh Thanh P (L)**, sinh năm 1987, tại Bình Dương; Trú tại: Tổ C, ấp T, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn S (chết) và bà Bùi Thị L1; anh chị em ruột có 06 người; có vợ tên Lê Thị H; có 01 người con sinh năm 2022;

Tiền án: 03 lần:

- Vào ngày 24/4/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 06 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Vào ngày 29/3/2016, bị Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết tăng nặng là tái phạm. Bị cáo P đã chấp hành xong án phạt tù tại Trại giam H1 vào ngày 09/9/2017 và đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng vào ngày 25/6/2019 (theo Quyết định THA số: 254/QĐ - CCTHA ngày 02/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước).

- Vào ngày 06/02/2018, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung tăng nặng là tái phạm nguy hiểm. Bị cáo P đã chấp hành xong án phạt tù vào ngày 04/4/2020 (theo Giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt tù số: 307 ngày 04/4/2020 của Trại giam T6) nhưng chưa thi hành xong án phí dân sự sơ thẩm.

Tiền sự: không.

- Nhân thân: Vào ngày 15/7/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang khởi tố về tội trộm cắp tài sản để điều tra.

- Bị cáo P đang bị tạm giam tại Phân trại N - Trại tạm giam tỉnh Hậu Giang để điều tra, xử lý trong vụ án khác. Có mặt.

3. Bị cáo **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1980; Trú tại: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B (chết) và bà Nguyễn Thị D (chết); anh chị em ruột có 03 người; có vợ tên Đỗ Thị Ngọc T3; có 01 người con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2024. Có mặt.

Về nhân thân bị cáo:

- Vào ngày 09/5/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xử phạt 24 tháng tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo M chấp hành xong án phạt tù vào ngày 22/01/2005 và đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 50.000 đồng vào ngày 03/6/2004 (theo Quyết định THA số: 239/QĐ - CCTHADS ngày 05/3/2004 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương) nên đã được xóa án tích.

- Vào ngày 27/9/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo M chấp hành xong án phạt tù vào ngày 12/6/2018 và đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm với số tiền là 200.000 đồng vào ngày 20/12/2016 nên đã được xóa án tích.

- Vào ngày 16/7/2024, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Hậu Giang khởi tố về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” để điều tra.

4. Bị cáo **Đỗ Thị Ngọc T3**, sinh năm 1981; Tại Bình Dương; Trú tại: Khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn L2 và bà Lê Thị P1; anh chị em ruột có 07 người; có chồng tên Nguyễn Văn M; có 01 người con sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 26/11/2024. Có mặt.

Về nhân thân bị cáo: Vào ngày 27/9/2016 bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo T3 chấp hành án xong vào ngày 27/7/2020 và đã thi hành xong án phí hình sự sơ thẩm với số tiền 200.000 đồng vào ngày 20/12/2016 nên đã được xóa án tích.

Những người tham gia tố tụng khác:

Bị hại: Anh Phan Thanh K1, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Trương Văn Ú, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

2. Nguyễn Tấn T4, sinh năm 1994. Địa chỉ: Số A, Đường Đ, Khu C, phường H, TP T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người làm chứng: Nguyễn Minh T5, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khóm A, phường C, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do muốn có tiền tiêu xài nên ngày 04/7/2024 bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P mang theo 02 cây đoản bẻ khóa, 01 tua vít đi xe khách từ Bình Dương đến Bến xe C để tìm lấy trộm xe mô tô các tỉnh Miền Tây. T và P đi tìm lấy trộm được một xe mô tô hiệu Honda Wave 125i ở thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và một xe mô tô hiệu Future ở thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

Khoảng 13 giờ ngày 04/7/2024, T điều khiển xe mô tô Honda Wave 125i màu trắng chở P đến địa bàn thị xã B tiếp tục tìm xe mô tô lấy trộm.

T chở P vào khu vực chợ B1 thì phát hiện chiếc xe mô tô biển số 64HA - 071.35 loại xe Wave alpha màu xanh của chị Phan Thanh K1 đang dựng cặp lề lộ phía trước đối diện cửa hàng đồ điện Minh T5 thuộc khóm A, phường C, thị xã B không có người trong coi nên quyết định lấy trộm. T điều khiển cho xe quay đầu dừng cặp bên xe mô tô 64HA - 071.35, sau đó T bước xuống xe dùng cây đoản lén mở khóa chiếc xe mô tô 64HA - 071.35 để lấy trộm, còn P thì ngồi trên xe Wave 125i để cảnh giới. Sau khi bẻ khóa và lấy trộm được xe mô tô 64HA - 071.35, T điều khiển xe 64HA - 071.35, P điều khiển xe Wave 125i chạy về ngã ba C, tỉnh Hậu Giang thuê nhà nghỉ cất giấu 02 chiếc xe đã lấy trộm được. Sau đó T gọi điện thoại thuê Nguyễn Tấn T4, sinh năm: 1994; thường trú: 108, Đường Đ, khu C, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương và bị cáo Nguyễn Văn M (lúc này đang ở Bình Dương) kêu xuống Hậu Giang chạy các xe lấy trộm đem về tỉnh Bình Dương để tiêu thụ, giá thuê chạy mỗi chiếc là 2.500.000 đồng, thì T4 và M

đồng ý. Khoảng 20 giờ cùng ngày, T4 đi bằng xe khách xuống tới Hậu Giang ở chung phòng với T và P. Khoảng 23 giờ cùng ngày, thì bị cáo M cùng với vợ là bị cáo Đỗ Thị Ngọc T3 cũng đi bằng xe khách xuống tới Hậu Giang vào ở chung phòng trọ với nhóm của T.

Đến rạng sáng ngày 05/7/2024, T cùng với P điều khiển xe mô tô Wave 1251 đến địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ tiếp tục lấy trộm được một chiếc xe mô tô Wave màu trắng. T điều khiển xe vừa lấy trộm quay về nhà trọ kêu trả phòng để giao các xe lấy trộm cho T4 và M điều khiển đem về tỉnh Bình Dương tiêu thụ. Sau đó, T giao xe mô tô biển số 64HA - 071.35 là xe lấy trộm của chị K1 ở thị xã B (lúc này đã được T thay bằng biển số 68M1 - 435.04) để bị cáo M điều khiển chở bị cáo T3, T thì điều khiển xe Wave màu trắng trộm được ở địa bàn quận C chở T4, P thì điều khiển xe wave 1251 màu trắng. Cả nhóm điều khiển các xe để đem về Bình Dương tiêu thụ. Trên đường đi gần tới trạm thu phí trên địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ thì T phát hiện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đậu cặp đường nên muốn lấy trộm. T dừng xe lại giao xe cho T4 điều khiển (xe trộm ở C, thành phố Cần Thơ), T qua xe của P đi cùng P tiếp tục lấy trộm chiếc xe vừa phát hiện. Sau đó, T điều khiển xe vừa trộm được ở gần trạm thu phí chạy đến dốc cầu C gặp M, T kêu M dừng xe lại để giao chiếc xe mô tô lấy trộm ở thị xã B để bị cáo T3 trực tiếp điều khiển về Bình Dương, còn M thì được T giao chạy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng, T thì chạy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Future màu đỏ (xe này được T lấy trộm trước đó khoảng 01 tháng ở thành phố N, Hậu Giang).

Khi T kêu M đưa xe mô tô để T3 điều khiển thì T3 nhận thức được chiếc xe này do T lấy trộm mà có nhưng vẫn đồng ý điều khiển xe về Bình Dương giúp T, vì T3 nghĩ T là bạn của M. Sau đó, M, T lần lượt điều khiển xe chạy theo P, T4 và T3. Khi nhóm của T điều khiển xe đến địa phận tỉnh Long An thì bị lực lượng Công an chặn lại để kiểm tra. Sau đó, những người trong nhóm của T lần lượt bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Hậu Giang mời làm việc và thu giữ được chiếc xe mô tô mà T và P lấy trộm của chị K1 ở thị xã B, tỉnh Vĩnh Long.

Sau đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N bàn giao xe mô tô hiệu Honda Wave alpha màu xanh mà các bị cáo lấy trộm ở thị xã B cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B điều tra, giải quyết theo thẩm quyền (chiếc xe có đặc điểm: nhãn hiệu Honda, Wave Alpha màu xanh, số máy: JA70E0333550; số khung: RLHJA393XRY050712). Những vụ án lấy trộm các xe mô tô khác trên địa bàn thành phố N, tỉnh Hậu Giang, địa bàn thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và địa bàn quận C, thành phố Cần Thơ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N phối hợp điều tra, giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào Kết luận định giá tài sản số: 18 ngày 02/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc xe mô tô biển số 64HA - 071.35 của chị K1 bị mất trộm có giá trị là 19.207.500 đồng.

* Tại Bản cáo trạng số 19/CT-VKSBM, ngày 20/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Minh truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Thanh T và Huỳnh Thanh P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Bị cáo Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà,

* Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Vị Kiểm sát viên phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo. Riêng đối với Nguyễn Tấn T4 đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận C khởi tố và xử lý nên đề nghị không xử lý trong vụ án này.

Cuối cùng đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Tuyên bố bị cáo Trần Thanh T và Huỳnh Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** mức án 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù.

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh P** mức án 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** mức án 09 tháng tù đến 01 năm tù.

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 65 của Bộ luật hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Ngọc T3** mức án 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 01 năm đến 01 năm 06 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có tài sản và không nghề nghiệp ổn định.

- Về bồi thường thiệt hại: Bị hại K1 đã nhận lại chiếc xe và không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn file ghi lại hình ảnh bị cáo T và P lấy trộm xe và chạy đi.

- Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

* Các bị cáo T, P, M và T3 đều trình bày: Các bị cáo đều nhận thức được hành vi của mình là sai phạm, đã thấy ăn năn hối cải, xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

*** Các bị cáo nói lời sau cùng:** Các bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn M và bị cáo Đỗ Thị Ngọc T3 đều trình bày: Đã nhận thức được hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, hứa sẽ không còn tái phạm và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng.

[2] Về trình tự thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ và Tòa án đã triệu tập hợp lệ nên việc vắng mặt này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[3] Cơ sở xét xử vụ án: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, Kết luận định giá tài sản cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định Cáo trạng của Viện kiểm nhân dân thị xã B truy tố các bị cáo như sau:

- Bị cáo Trần Thanh T và Huỳnh Thanh P về tội “Trộm cắp tài sản”

- Bị cáo Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về tính chất, mức độ phạm tội: Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, các bị cáo thực hiện tội phạm với lỗi cố ý trực tiếp, hành vi phạm tội của bị cáo T và P đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự tại địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản của mình.

Đối với các bị cáo, do không có tiền tiêu xài nên các bị cáo đã nảy sinh ý định lấy trộm xe mô tô của người khác với mục đích bán để kiếm tiền tiêu xài cá nhân. Bản thân các bị cáo là thanh niên khoẻ mạnh, nhưng không lo lao động chân chính để tạo ra của cải vật chất cho bản thân, với bản chất thích hưởng thụ lười lao động, muốn chiếm hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, nên bị cáo đã lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của bị hại mà thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. **Đối với các bị cáo M và T3, các bị cáo đã biết được tài sản có được do phạm tội mà có nhưng do vụ lợi cá nhân mà các bị cáo đã đồng ý giúp các bị cáo T và P tiêu thụ tài sản trộm cắp mà có được.**

Trong vụ án này, các bị cáo cấu kết với nhau trong việc thực hiện tội phạm, cụ thể khi bị cáo Trần Thanh T và Huỳnh Thanh P đi trộm được tài sản, sau đó bị cáo T điện thoại thuê bị cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Tấn T4 xuống để đem tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ. Vì vậy, thể hiện các bị cáo đã đồng phạm với nhau trong việc thực hiện tội phạm, để thấy được tính chất, mức độ nguy hiểm trong hành vi phạm tội, cần phân tích riêng hành vi của từng bị cáo để cá thể hóa hình phạt.

Thứ nhất, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thanh T: Bị cáo đã chuẩn bị sẵn công cụ phạm tội là 02 cây đoản bẻ khóa, 01 tua vít, bị cáo dùng xe mô tô chở bị cáo P đến địa bàn thị xã B, Vĩnh Long để tìm xe trộm, khi tìm thấy tài sản có thể trộm được thì bị cáo dùng xe lại và chính bị cáo đã dùng cây đoản đã chuẩn bị từ trước để mở khóa xe biển số 64HA-071.35 của chị Phan Thanh K1 rồi chạy tìm chỗ cất giấu. Thêm nữa, chính bị cáo là người điện thoại cho bị cáo Nguyễn Văn M và Nguyễn Tấn T4 để thuê M và T4 xuống Hậu Giang để chạy xe trộm được về tỉnh Bình Dương tiêu thụ với giá 2.500.000 đồng/1 chiếc.

Hơn nữa, qua toàn bộ hồ sơ vụ án thể hiện, bị cáo có rất nhiều tiền án về hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Bản thân bị cáo là thanh niên khỏe mạnh, nhưng không chí thú làm ăn lương thiện để tạo ra của cải vật chất cho bản thân, với bản chất thích hưởng thụ lười lao động mà bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác nhằm thỏa mãn nhu cầu thấp kém của bản thân. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp như vậy là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm đến cùng, do đó hành vi của bị cáo thể hiện tính nguy hiểm cao cho xã hội, thể hiện tính khó cải tạo của bị cáo. Vì vậy, cần phải xử lý thật nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục bị cáo thành người hữu ích cho xã hội.

Thứ hai, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Huỳnh Thanh P: Bị cáo đã đồng phạm với bị cáo Trần Thanh T trong việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác ở nhiều nơi. Riêng trong vụ án này, bị cáo đã cùng bị cáo T trộm cắp xe của bị hại Phan Thanh K1, tuy bị cáo không là người trực tiếp dùng cây đoản bẻ khóa xe của bị hại, nhưng với sự giúp sức tích cực của bị cáo là cùng đi với bị cáo T, khi lấy được tài sản thì bị cáo chạy một xe, còn bị cáo T chạy xe vừa trộm được đi cất giấu để tiêu thụ.

Bản thân bị cáo là một thanh niên khỏe mạnh, nhận thức được hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo vẫn cố tình thực hiện tội phạm đến cùng. Bị cáo có rất nhiều tiền án về hành vi xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật, thể hiện tính khó cải tạo đối với bị cáo, nên lần phạm tội này là thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Vì vậy, cần phải xử lý thật nghiêm để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Thứ ba, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Văn M: Bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nhưng bị cáo biết rõ tài sản mà bị cáo T có được là do thực hiện hành vi trộm cắp mà có, tuy bị cáo không biết được bị cáo T trộm cắp ở đâu và khi nào, nhưng bị cáo vẫn nhận lời chạy thuê xe do bị cáo T trộm được để đi tiêu thụ với tiền công trả cho bị cáo mỗi chiếc là 2.500.000 đồng, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, nhưng để có tiền tiêu xài nên bị cáo đã cố tình thực hiện tội phạm. Vì vậy, cũng cần xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục bị cáo.

Cuối cùng, đối với hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Thị Ngọc T3: Tuy bị cáo không trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp, nhưng bị cáo đã cùng bị cáo Nguyễn Văn M chạy xe do bị cáo T trộm được đi tiêu thụ nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Lẽ ra, khi bị

cáo phát hiện chiếc xe bị cáo đang điều khiển là xe trộm cắp thì bị cáo không tiếp tục điều khiển hoặc giao trả lại cho bị cáo T, hoặc khuyên các bị cáo trả lại xe cho chủ sở hữu, nhưng bị cáo không làm vậy là vẫn tiếp tục chạy chiếc xe do bị cáo T trộm cắp về Bình Dương để tiêu thụ. Bị cáo nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nhưng do bị cáo thiếu suy nghĩ và chỉ nghĩ là giúp T nên bị cáo mới đồng ý tiếp tục chạy xe về Bình Dương. Cho nên, hành vi phạm tội của bị cáo cũng cần phải được xử lý nghiêm đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo và bị cáo M là vợ chồng, cùng bị xét xử trong cùng một vụ án, cả bị cáo và bị cáo M đều bị bệnh HIV đang phải uống thuốc điều trị, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha mẹ già không còn khả năng lao động, có nơi cư trú rõ ràng và đang nuôi con còn nhỏ và bị cáo cũng thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật, nên không cần thiết phạt tù đối với bị cáo mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương, nơi bị cáo cư trú quản lý giáo dục bị cáo là được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bị cáo được cải tạo không giam giữ.

Đối với các bị cáo khác, cũng cần xem xét đến các tình tiết sau đây để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo như sau: Các bị cáo T, P và M đều thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, riêng đối với bị cáo P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo.

[5] Những vấn đề liên quan trong vụ án

Trong vụ án này, do các bị cáo thực hiện nhiều vụ trộm trên nhiều địa bàn của các tỉnh khác nhau, nên vào ngày 30/9/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ban hành Công văn số 311/CV-ĐTTH đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N, tỉnh Hậu Giang nhập vụ án, nhưng Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N không đồng ý nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã khởi tố vụ án và khởi tố các bị cáo để đưa ra xét xử về các hành vi phạm tội như đã được nhận định nêu trên.

Đối với Nguyễn Tấn T4 đã nhận lời bị cáo T xuống Hậu Giang để chạy thuê xe trộm về Bình Dương tiêu thụ, nhưng do bị cáo đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố N ra quyết định khởi tố bị can số 49/QĐ-ĐCSHS, ngày 16/7/2024 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, nên Hội đồng xét xử không xử lý trong vụ án này.

Các bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P đã bị xử lý về hành vi Trộm cắp tài sản đối với các tài sản mà các bị cáo đã trộm ở tỉnh khác, cũng như việc bị cáo Nguyễn Văn M đã bị xử lý trong vụ án khác, nhưng trong hồ sơ vụ án không thể hiện việc xử lý hành vi phạm tội đó bằng một bản án có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không tiến hành tổng hợp hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[7] Về bồi thường thiệt hại: Do tài sản đã trả lại cho bị hại và bị hại không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chứa đoạn file ghi lại hình ảnh bị cáo T và P lấy trộm xe và chạy đi.

[9] Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Xét đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở một phần nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Trần Thanh T và bị cáo Huỳnh Thanh P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Bị cáo Nguyễn Văn M và bị cáo Đỗ Thị Ngọc T3 phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T** mức án 03 (ba) năm tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án đối với bản án này.

* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh P** mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án đối với bản án này.

* Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn M** mức án 09 (chín) tháng tù.

- Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo bị bắt đi chấp hành án đối với bản án này.

* Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 và Điều 36 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Ngọc T3** mức án 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

- Thời hạn cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính kể từ ngày cơ quan thi hành án hình sự nhận được Quyết định thi hành án hình sự đối với bị cáo.

- Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân phường T trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo do các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn và không nghề nghiệp ổn định.

3. Về bồi thường thiệt hại: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục lưu hồ sơ vụ án 01 đĩa DVD chưa đoạn file ghi lại hình ảnh bị cáo T và P lấy trộm xe và chạy đi.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Trần Thanh T, Huỳnh Thanh P, Nguyễn Văn M và Đỗ Thị Ngọc T3 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, các đương sự trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với các đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- PHS Công an tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND thị xã Bình Minh;
- THADS thị xã Bình Minh;
- Sở Tư Pháp tỉnh Vĩnh Long;
- UBND P. Thới Hòa;
- Bị cáo, các đ/s;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Khắc T

